

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đức Sơn.

2. Bà Trương Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị Th, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở hiện nay: Thôn ĐC, xã NL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Anh Tô Đức L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Triệu Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tô Đức L được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 20/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống tại thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang vợ chồng sống hạnh phúc đến

năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không tin tưởng lẫn nhau nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến cuộc sống hết sức căng thẳng. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Đến tháng 9 năm 2021 mâu thuẫn rất trầm trọng chị và anh L sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tô Đức L.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con tên là Tô Đức A, sinh ngày 14/9/2000 và Tô Thị Ánh L, 20/9/2002. Hiện nay hai cháu đều đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Tô Văn Đức L đến để giải quyết việc chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh L đều không có mặt, anh L không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của anh Tô Văn Nguyễn (anh trai của anh Tô Đức L) thì anh L và chị Th có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh L, chị Th chung sống tại thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, trong thời gian sống chung cuộc sống của anh chị sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Th, anh L đi làm công nhân xa nhà, hai vợ chồng mỗi người sống ở một nơi nên ít quan tâm đến nhau dẫn đến mâu thuẫn. Hiện nay anh L, chị Th đã sống ly thân nhau. Việc chị Th làm đơn xin ly hôn với anh L, anh là người trực tiếp thông tin cho anh L biết và anh L thông tin lại sẽ về để thỏa thuận giải quyết việc ly hôn với chị Th, anh L hiện nay đang làm ăn ở tỉnh Bắc Ninh, anh L thường liên lạc về với gia đình bằng điện thoại nhưng không nói cho anh biết địa chỉ cụ thể nơi làm việc, do vậy anh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn*” của chị Triệu Thị Th, cho chị Triệu Thị Th được ly hôn với anh Tô Đức L.

- Về con chung: Chị Th, anh L có hai con tên là Tô Đức A, sinh ngày 14/9/2000 và Tô Thị Ánh L, 20/9/2002. Hiện nay hai cháu đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Triệu Thị Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh L không phải chịu án phí dân sự ly hôn, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp L tố tụng.

Chị Triệu Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Tô Đức L; anh Tô Đức L có hộ khẩu thường trú tại thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Tô Đức L có hộ khẩu thường trú tại thôn BB, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh L đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở mới và nơi làm việc nên hiện tại không rõ anh L đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh L, gia đình anh L đã thông báo cho anh L nhưng anh L vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp L, tuy nhiên bị đơn anh Tô Đức L vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Triệu Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Th và anh Tô Đức L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; đăng ký kết hôn vào ngày 20/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tri Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thấy rằng: Chị Th và anh L kết hôn năm 2003 và vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ, ghen tuông nhau nên thường xuyên cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị Th và anh L thực tế đã không tồn tại từ cuối năm 2021, không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Th, xử cho chị Triệu Thị Th được ly hôn anh Tô Đức L.

[2.2] Về con chung: Chị Triệu Thị Th và anh Tô Đức L có 02 con chung tên là Tô Đức A, sinh ngày 14/9/2000 và Tô Thị Ánh L, 20/9/2002. Xét thấy hiện nay cả hai con đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Triệu Thị Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[2.5] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ L tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Triệu Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Tô Đức L không phải chịu án phí.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn” của chị Triệu Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu Thị Th được ly hôn với anh Tô Đức L.

2. Về án phí: Chị Triệu Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0005280, ngày 19 tháng

4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được chuyển thành tiền án phí. Anh Tô Đức L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị Th và anh Tô Đức L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tri Phú;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ